



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 0100109385

ngày 8 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Sơn
Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh
Ông Trần Anh Vương
Bà Nguyễn Hồng Nhung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16/2/2017)

Trụ sở đăng ký

12 Phố Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP và các đơn vị trực thuộc (gọi chung là “Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh - thông tin so sánh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 32(a) của báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó trình bày rằng thông tin so sánh được trình bày tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 dựa trên các số dư tương ứng tại ngày 7 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

Vấn đề khác liên quan đến thông tin so sánh

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 32(a) của báo cáo tài chính tổng hợp, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó với vấn đề cần nhấn mạnh về việc các khoản chênh lệch khi thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và giá trị lợi ích nhận được từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC liên quan đến dự án Tổ hợp thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC – Vinapharm tại địa điểm 60B Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội chưa được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 2 năm 2017.



Trong quá trình kiểm toán báo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 32(a) của báo cáo tài chính tổng hợp được áp dụng để điều chỉnh lại các số dư tại ngày 7 tháng 12 năm 2016 mà thông tin so sánh được trình bày tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 dựa trên các số dư đó. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 7 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục kiểm toán được áp dụng đối với các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 32(a) của báo cáo tài chính tổng hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất cứ ý kiến hay hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính tổng hợp đó. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 32(a) của báo cáo tài chính tổng hợp là phù hợp và được áp dụng đúng đắn.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-122-A



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2018-007-1

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		462.300.232.204	1.370.535.457.294
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.402.786.100	825.046.018.177
Tiền	111		3.902.786.100	16.646.018.177
Các khoản tương đương tiền	112		73.500.000.000	808.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		222.480.000.000	258.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	222.480.000.000	258.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.603.459.620	261.503.532.941
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	30.380.003.607	46.441.418.693
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.014.033.009	3.850.453.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	55.936.907.780	211.211.660.739
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(727.484.776)	-
Hàng tồn kho	140	8	69.446.786.218	21.733.358.186
Hàng tồn kho	141		69.446.786.218	21.733.358.186
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.367.200.266	4.052.547.990
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.117.454.595	4.052.547.990
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.249.745.671	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.978.605.812.801	1.861.133.341.755
Các khoản phải thu dài hạn	210		133.385.628	214.057.828
Phải thu dài hạn khác	216		133.385.628	214.057.828
Tài sản cố định	220		42.714.802.295	34.022.325.521
Tài sản cố định hữu hình	221	9	42.714.802.295	34.022.325.521
Nguyên giá	222		79.076.432.971	66.508.867.781
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.361.630.676)	(32.486.542.260)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.039.988.151	68.439.512.390
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.039.988.151	68.439.512.390
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.910.247.725.637	1.723.095.198.623
Đầu tư vào công ty con	251		286.193.148.150	305.332.814.835
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		886.045.709.500	908.570.985.959
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		745.074.903.022	509.191.397.829
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.066.035.035)	-
Tài sản dài hạn khác	260		24.469.911.090	35.362.247.393
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	24.469.911.090	35.362.247.393
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.440.906.045.005	3.231.668.799.049

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.949.739.456	861.668.799.049
Nợ ngắn hạn	310		44.791.090.845	861.463.673.207
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	33.616.241.335	43.458.716.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.856.055.246	4.129.711.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	45.865.932	160.531.098.563
Phải trả người lao động	314		2.278.330.256	32.572.116
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.124.121.151	18.164.802.694
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.167.275.455	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	325.802.315	635.137.247.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	2.377.399.155	9.524.540
Nợ dài hạn	330		158.648.611	205.125.842
Phải trả dài hạn khác	337		158.648.611	205.125.842
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.395.956.305.549	2.370.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410	18	2.395.956.305.549	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần	411	19	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.956.305.549	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.956.305.549	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.440.906.045.005	3.231.668.799.049

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Hằng
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt



Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	87.490.201.429	180.344.760.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	26.862.006	116.809.711
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		87.463.339.423	180.227.950.829
Giá vốn hàng bán	11	22	76.442.810.315	158.849.414.341
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.020.529.108	21.378.536.488
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	71.663.315.714	317.204.405.556
Chi phí tài chính	22	24	7.296.267.785	11.490.108.325
Chi phí bán hàng	25	25	6.042.399.006	7.607.497.474
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	41.139.298.092	27.395.833.487
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		28.205.879.939	292.089.502.758
Thu nhập khác	31	27	118.300.225	204.316.043.505
Chi phí khác	32		-	398.728.243
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		118.300.225	203.917.315.262
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.324.180.164	496.006.818.020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	4.744.506.995
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		28.324.180.164	491.262.311.025

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Hằng
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt



Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.324.180.164	496.006.818.020
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.411.954.836	2.254.257.852
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	7.793.519.811	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(25.220.226)	748.611.014
Các khoản điều chỉnh khác	05	(71.628.443.550)	(340.931.138.892)
	07	-	(190.462.447.887)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(31.124.008.965)	(32.383.899.893)
Biến động các khoản phải thu	09	157.974.126.611	(18.014.657.634)
Biến động hàng tồn kho	10	12.104.011.827	(1.156.286.318)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(165.584.328.371)	22.605.425.838
Biến động chi phí trả trước	12	11.564.906.729	516.940.731
		(15.065.292.169)	(28.432.477.276)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.110.203.520)	(12.868.795.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	21.302.733.635	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(644.961.524.704)	(8.852.243.083)
Trong đó:			
- Chuyển tiền cho Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp		(634.909.623.282)	-
- Trả lãi cho cổ đông		(10.051.901.422)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(641.834.286.758)	(50.153.516.351)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2010 sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

(b) Hoạt động chính

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, các ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ chuyên giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tổng Công ty đã trở thành công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016. Sau ngày trở thành công ty cổ phần, các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính. Do đó, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận của Tổng Công ty trong kỳ này thấp hơn so với kỳ trước. Trong năm 2017, Tổng Công ty cũng thay đổi hình thức kinh doanh từ phần lớn là mua, bán hàng hóa sang chủ yếu là hoạt động ủy thác mua, bán thu phí. Do đó, doanh thu, giá vốn hàng bán của năm nay giảm đáng kể so với doanh thu, giá vốn hàng bán kỳ trước.

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập để phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP và các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty chưa hợp nhất các công ty con và chưa ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính
▪ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 Phố Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kiểm nghiệm thuốc
▪ Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	126A Phố Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm
▪ Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	95 Phố Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 87 nhân viên (8/12/2016: 97 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính tổng hợp này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty đang lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016

(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính tổng hợp, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính tổng hợp này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá khi Tổng Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 và được phê duyệt theo Quyết định số 2757/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV, Tổng hợp Quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV và Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2017 (“các văn bản quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty”). Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ lâu dài mà Tổng Công ty không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư mà có thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá trị hợp lý của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được Nhà nước phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	10 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được Nhà nước phê duyệt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty và được phân bổ trong vòng 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty được hưởng lợi nhuận cố định được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và tỷ lệ lợi tức áp dụng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới là các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016

(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	8/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	932.040.172	966.359.201
Tiền gửi ngân hàng	2.970.745.928	15.679.658.976
Các khoản tương đương tiền	73.500.000.000	808.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	77.402.786.100	825.046.018.177

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	Giá gốc và giá trị hợp lý
	31/12/2017	8/12/2016 -
	VND	Đã điều chỉnh lại
		VND
Tiền gửi có kỳ hạn	222.480.000.000	258.200.000.000

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (i)	Hà Nội	65,41%	138.997.108.326	-	(*)	65,41%	149.252.557.203	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (i)	TP Hồ Chí Minh	66,35%	123.241.224.756	-	(*)	66,35%	131.169.007.632	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (i)	Đà Nẵng	65,00%	23.954.815.068	-	(*)	65,00%	24.911.250.000	-	(*)
			<hr/>				<hr/>		
			286.193.148.150	-	(*)		305.332.814.835	-	(*)
Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i) (ii) (iv)	Đồng Tháp	22,87%	477.969.183.365	-	648.810.294.000	23,75%	391.843.479.000	-	391.843.479.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo (i)	TP Hồ Chí Minh	29,99%	201.182.470.211	-	(*)	29,99%	229.209.493.773	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Danapha (i) (ii)	Đà Nẵng	29,86%	98.058.047.634	-	(*)	29,86%	91.842.303.223	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	TP Hồ Chí Minh	28,43%	44.983.510.213	-	(*)	28,43%	45.689.800.623	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i) (iv)	Hải Phòng	24,82%	44.771.864.745	-	131.624.844.000	24,82%	47.924.943.200	-	47.924.943.200
• Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam (i)	Hà Nội	42,38%	14.814.901.439	-	(*)	43,65%	16.279.332.946	-	(*)
			<hr/>				<hr/>		

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết (tiếp theo)									
• Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	Đà Nẵng	25,00%	4.265.731.893	(182.910.586)	(*)	25,00%	4.265.731.893	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (iii)	Hà Nội	-	-	-	-	31,67%	69.654.193.013	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (iii)	Hà Nội	-	-	-	-	27,13%	11.861.708.288	-	(*)
			886.045.709.500	(182.910.586)	(*)		908.570.985.959	-	(*)
Đơn vị khác									
• Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	-	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar (i)	TP Hồ Chí Minh	18,17%	169.485.903.695	-	(*)	18,17%	173.539.167.663	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i) (iv)	TP Hồ Chí Minh	14,08%	139.411.862.876	-	213.759.000.000	14,08%	142.506.000.000	-	142.506.000.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (i) (iii)	Hà Nội	14,25%	69.305.080.876	-	(*)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i) (iv)	TP Hồ Chí Minh	10,23%	46.022.915.860	(4.947.257.860)	41.075.658.000	13,23%	48.974.823.000	-	48.974.823.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha (i) (iv)	TP Hồ Chí Minh	14,29%	47.925.759.865	-	68.484.900.000	14,29%	51.338.121.640	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 (i)	TP Hồ Chí Minh	9,9%	37.739.465.978	-	(*)	17,68%	39.534.534.471	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bao bì Dược (i)	TP Hồ Chí Minh	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	12.042.810.970	-	(*)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đơn vị khác (tiếp theo)									
• Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	Hà Nội	11,37%	11.611.996.106	-	(*)	11,37%	12.945.633.092	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (iii)	Hà Nội	6,78%	11.861.708.288	-	(*)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam (i)	TP Hồ Chí Minh	5,26%	9.877.855.768	-	(*)	5,26%	10.017.992.755	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i) (iv)	Huế	15,01%	9.231.455.589	(1.935.866.589)	7.295.589.000	15,01%	9.862.555.500	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam (i)	Hà Nội	8,49%	4.763.803.820	-	(*)	9,26%	4.950.656.872	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (i)	Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.479.101.866	-	(*)
			745.074.903.022	(6.883.124.449)	(*)		509.191.397.829	-	(*)
			1.917.313.760.672	(7.066.035.035)	(*)		1.723.095.198.623	-	(*)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016

(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư là giá trị đã được định giá lại tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và giá gốc các khoản đầu tư tăng thêm sau thời điểm cổ phần hóa.

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tương ứng với số cổ tức được chia từ các công ty này với giá trị tổng cộng là 83.251 triệu VND do các khoản cổ tức này đã được sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua thêm cổ phần do Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm và Công ty Cổ phần Dược Danapha phát hành thêm với số tiền tương ứng là 92.805 triệu VND và 11.665 triệu VND.
- (iii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty này xuống còn tương ứng là 14,25% và 6,78%. Theo đó, các khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (iv) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và giá tại ngày kết thúc hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	28.179.932.974	36.094.517.499
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	5.560.067.525
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.200.070.633	4.786.833.669
	<hr/>	<hr/>
	30.380.003.607	46.441.418.693

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	26.000.000.000	165.000.000.000
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.276.100.000	9.172.876.713
Phải thu về cổ tức	17.330.832.164	7.610.177.164
Phải thu lãi tiền gửi	4.006.555.554	6.742.228.889
Phải thu các khoản tạm ứng	650.249.950	748.476.954
Phải thu về cổ phần hóa	-	21.302.733.635
Phải thu khác	673.170.112	635.167.384
	<hr/> 55.936.907.780	<hr/> 211.211.660.739 <hr/>

(i) Đây là giá trị vốn góp vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các bên như sau:

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	6.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1	20.000.000.000	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	-	50.000.000.000
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Medipharco	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	-	10.000.000.000
	<hr/> 26.000.000.000	<hr/> 165.000.000.000 <hr/>

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh cho giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 hưởng lợi nhuận cố định là 5,2% - 6% một năm (giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016: 6% một năm).

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các khoản phải thu khác về hợp đồng hợp tác kinh doanh, Tổng Công ty còn có các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2017	8/12/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	10.977.240.000	11.275.783.712
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	81.500.000	161.917.808
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	10.026.949.923
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	2.888.167.000	7.380.743.151
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	1.687.498.000	-
	15.634.405.000	28.845.394.594

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017	8/12/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	356.359.901	357.378.058
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.471.360.089	2.848.662.262
Hàng hóa (*)	67.619.066.228	18.527.317.866
	69.446.786.218	21.733.358.186

(*) Bao gồm trong hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 59.817 triệu VND là giá trị hàng hóa bất động sản từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tường. Đây là giá trị nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phát triển Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm tại địa chỉ 60B Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 7 tháng 7 năm 2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	39.585.975.480	22.151.449.948	3.884.563.100	886.879.253	66.508.867.781
Tăng do mua sắm mới	-	142.548.917	1.378.300.000	210.617.361	1.731.466.278
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.128.569.689	-	-	312.376.323	11.440.946.012
Thanh lý	-	-	(449.758.100)	(155.089.000)	(604.847.100)
Phân loại lại	-	43.600.000	-	(43.600.000)	-
Số dư cuối kỳ	50.714.545.169	22.337.598.865	4.813.105.000	1.211.183.937	79.076.432.971
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	25.808.190.224	3.819.230.771	2.185.063.783	674.057.482	32.486.542.260
Khấu hao trong kỳ	1.329.990.002	2.404.625.455	491.770.499	185.568.880	4.411.954.836
Thanh lý	-	-	(397.286.320)	(139.580.100)	(536.866.420)
Phân loại lại	-	30.520.000	-	(30.520.000)	-
Số dư cuối kỳ	27.138.180.226	6.254.376.226	2.279.547.962	689.526.262	36.361.630.676
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	13.777.785.256	18.332.219.177	1.699.499.317	212.821.771	34.022.325.521
Số dư cuối kỳ	23.576.364.943	16.083.222.639	2.533.557.038	521.657.675	42.714.802.295

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu kỳ	68.439.512.390	722.546.787
Tăng trong kỳ	4.898.032.216	14.956.820.178
Định giá cổ phần hóa	-	60.170.709.971
Chuyển sang hàng hóa	(59.817.439.859)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.440.946.012)	(7.365.564.546)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(672.570.426)	-
Giảm khác	(366.600.158)	(45.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.039.988.151	68.439.512.390

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty tại số 178 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh	975.342.242	975.342.242
Dự án xây dựng nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	64.645.909	-
Cải tạo Trụ sở văn phòng Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố, Hà Nội	-	7.293.460.177
Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng, Hà Nội	-	60.170.709.971
	<hr/>	<hr/>
	1.039.988.151	68.439.512.390

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Lợi thế kinh doanh VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	34.279.568.258	1.082.679.135	35.362.247.393
Tăng trong kỳ	-	2.215.341.152	2.215.341.152
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	672.570.426	672.570.426
Phân bổ trong kỳ	(12.378.732.981)	(1.401.514.900)	(13.780.247.881)
Số dư cuối kỳ	21.900.835.277	2.569.075.813	24.469.911.090

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		8/12/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.883.124.449	1.376.624.890	-	-
Lỗi tính thuế	8.539.611.901	1.707.922.380	-	-
	15.422.736.350	3.084.547.270	-	-

Lỗi tính thuế chưa được quyết toán và hết hiệu lực vào năm 2022. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND
Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd	29.064.380.574	36.878.633.869
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp HANCIC	1.599.947.500	-
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng - Ladophar	1.145.068.990	471.996.738
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco	143.342.201	1.898.929.460
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	1.582.732.578
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	-	1.129.820.372
Các nhà cung cấp khác	1.663.502.070	1.496.603.223
	33.616.241.335	43.458.716.240

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	8/12/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Đã điều chỉnh lại				
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	125.496.977	5.429.144.952	(5.554.641.929)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.860.457.849	-	(1.860.457.849)	-
Thuế thu nhập cá nhân	766.290.062	987.694.615	(1.708.118.745)	45.865.932
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	798.286.525	3.448.381.721	(4.246.668.246)	-
Thuế khác	68.532.004	12.000.000	(80.532.004)	-
Các khoản phải nộp khác				
Lợi nhuận và các khoản khác nộp về Ngân sách Nhà nước	156.912.035.146	-	(156.912.035.146)	-
	160.531.098.563	9.877.221.288	(170.362.453.919)	45.865.932

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi phải trả cho cổ đông (Thuyết minh 24)	267.140.676	10.319.042.098
Chi phí xây dựng cơ bản	339.578.471	7.002.321.819
Chi phí phải trả khác	517.402.004	843.438.777
	1.124.121.151	18.164.802.694

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	634.909.623.282
Phải trả khác	325.802.315	227.623.929
	325.802.315	635.137.247.211

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Cho giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017, quỹ được tạm trích theo Tờ trình số 79a/TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2017 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được phê duyệt ngày 26 tháng 4 năm 2017. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Số dư đầu kỳ	9.524.540	5.508.592.858
Trích lập trong kỳ	2.367.874.615	2.570.823.311
Sử dụng trong kỳ	-	(8.069.891.629)
	2.377.399.155	9.524.540

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	449.174.284.089	909.512.110.904	507.086.516.033	669.615.012.991	127.948.804.111	2.663.336.728.128
Lợi nhuận thuần trong kỳ - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	491.262.311.025	491.262.311.025
Phân bổ vào các quỹ	-	-	32.669.940.471	22.599.787.360	(55.269.727.831)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.570.823.311)	(2.570.823.311)
Định giá cổ phần hóa	-	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Thu về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	32.174.454.104	-	32.174.454.104
Nộp lợi nhuận vào Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(81.530.575.474)	(81.530.575.474)
Biến động khác	571.550.000	-	-	(571.550.000)	-	-
<i>Số dư tại ngày 8/12/2016</i>	<i>449.745.834.089</i>	<i>969.512.110.904</i>	<i>539.756.456.504</i>	<i>723.817.704.455</i>	<i>479.839.988.520</i>	<i>3.162.672.094.472</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 32)</i>	<i>1.920.254.165.911</i>	<i>(969.512.110.904)</i>	<i>(539.756.456.504)</i>	<i>(723.817.704.455)</i>	<i>(479.839.988.520)</i>	<i>(792.672.094.472)</i>
Số dư tại ngày 8/12/2016 – đã điều chỉnh lại	2.370.000.000.000	-	-	-	-	2.370.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.324.180.164	28.324.180.164
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.367.874.615)	(2.367.874.615)
Số dư tại ngày 31/12/2017	2.370.000.000.000	-	-	-	25.956.305.549	2.395.956.305.549

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2017 và 8/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	237.000.000	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	154.050.000	1.540.500.000.000	65%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	40.290.000	402.900.000.000	17%
Các cổ đông khác	42.660.000	426.600.000.000	18%
	237.000.000	2.370.000.000.000	100%

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		8/12/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	17.106	387.785.992	15.032	335.716.466

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	67.484.380.702	161.716.232.794
▪ Cung cấp dịch vụ	15.959.497.440	8.093.412.817
▪ Hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định	4.046.323.287	10.535.114.929
	87.490.201.429	180.344.760.540
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(26.862.006)	(116.809.711)
Doanh thu thuần	87.463.339.423	180.227.950.829

22. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Hàng hoá đã bán	64.854.600.190	155.984.011.461
Dịch vụ đã cung ứng	11.588.210.125	2.865.402.880
	76.442.810.315	158.849.414.341

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.319.410.290	43.019.405.748
Cổ tức được chia	44.290.343.986	268.685.836.040
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu	-	5.279.292.500
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.220.226	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.341.212	219.871.268
	71.663.315.714	317.204.405.556

24. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	7.066.035.035	-
Lãi phải trả cho cổ đông (*)	-	10.319.042.098
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	230.232.750	223.148.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	748.611.014
Chi phí tài chính khác	-	199.306.832
	7.296.267.785	11.490.108.325

(*) Đây là tiền lãi phải trả cho cổ đông do thời gian tính từ ngày hết hạn nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phần đến ngày Tổng Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần kéo dài trên 3 tháng, theo quy định của Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Chi phí nhân viên	2.785.035.947	3.249.911.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.067.409	369.647.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.842.348.898	2.168.095.263
Chi phí bán hàng khác	1.396.946.752	1.369.843.853
	<hr/>	<hr/>
	6.042.399.006	7.607.497.474

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.257.324.708	1.294.516.157
Chi phí nhân viên	12.163.331.687	9.925.226.521
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.321.062.842	776.125.603
Thuế, phí và lệ phí	3.557.501.876	6.367.362.668
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	727.484.776	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.979.984	792.842.354
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.233.612.219	8.239.760.184
	<hr/>	<hr/>
	41.139.298.092	27.395.833.487

27. Thu nhập khác

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	203.748.238.116
Các khoản khác	118.300.225	567.805.389
	<hr/>	<hr/>
	118.300.225	204.316.043.505

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	66.670.001.046	156.394.752.168
Chi phí nhân viên	16.423.657.185	13.317.481.322
Chi phí khấu hao	4.411.954.836	2.254.257.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.903.805.321	6.651.823.957
Chi phí khác	25.837.017.553	18.079.181.290

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.324.180.164	496.006.818.020
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.664.836.033	99.201.363.604
Chi phí không được khấu trừ thuế	108.685.494	50.007.682
Thu nhập không bị tính thuế	(8.858.068.797)	(94.486.814.831)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	1.376.624.890	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(20.049.460)
	(1.707.922.380)	4.744.506.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho lỗi tính thuế	1.707.922.380	-
	-	4.744.506.995

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3		
Cung cấp dịch vụ	714.458.874	76.363.636
Cổ tức được chia	1.023.750.000	682.500.000
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	25.000.000.000
Thu hồi vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	19.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.194.682.192	1.357.808.041
Thanh lý tài sản cố định	100.000.000	-
Thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	613.791.673
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Cổ tức được chia	21.954.480.000	-
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-
Thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	11.275.783.712	5.002.210.579
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		
Cổ tức được chia	16.971.500.000	-
Thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	10.026.949.921	5.255.718.217
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha		
Đầu tư góp vốn	11.664.504.000	-
Cổ tức được chia	9.720.417.000	5.832.250.000
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	50.000.000.000
Thu hồi vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.491.906.849	2.773.424.658
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25		
Cổ tức được chia	756.000.000	756.000.000
Thu hồi vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	20.000.000.000
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.076.400.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3		
Đầu tư góp vốn	-	3.374.990.000
Cổ tức được chia	5.062.494.000	2.159.998.400

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam Cổ tức được chia	1.567.500.000	1.485.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm Đầu tư góp vốn	92.805.030.000	-
Cổ tức được chia	12.064.654.300	13.748.894.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Cổ tức được chia	29.999.600.000	209.357.341.000
Thành viên Hội đồng Quản trị Thù lao	1.535.135.454	1.018.672.360
Thành viên Ban Kiểm soát Thù lao	468.000.000	765.114.166
Thành viên Ban Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	1.384.167.818	1.195.610.377

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND
Giảm các khoản đầu tư tài chính dài hạn do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	83.250.971.951	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang hàng tồn kho	59.817.439.859	-

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Số liệu so sánh****(a) Điều chỉnh số liệu kế toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần**

Trong kỳ, căn cứ vào:

- Biên bản thanh tra thuế ngày 17 tháng 4 năm 2017 và ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kết quả thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế các năm 2014, 2015 và 2016 của Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm và Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 2757/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Tổng hợp Quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV; và
- Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Công ty đã điều chỉnh lại số liệu tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) trên báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại nói trên được tổng hợp dưới đây:

(i) Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	8/12/2016 VND (đã điều chỉnh lại)	8/12/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258.200.000.000	423.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	211.211.660.739	47.555.129.193
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.052.547.990	4.302.149.154
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	45.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	68.439.512.390	68.268.802.419
Đầu tư vào công ty con	305.332.814.835	313.533.467.583
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	908.570.985.959	900.386.034.893
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	509.191.397.829	495.889.905.918
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	160.531.098.563	1.596.219.893
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.164.802.694	18.990.468.657
Phải trả ngắn hạn khác	635.137.247.211	1.792.123.929
Vốn cổ phần	2.370.000.000.000	449.745.834.089
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	969.512.110.904
Quỹ đầu tư phát triển	-	539.756.456.504
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	723.817.704.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	466.803.799.455

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND (đã điều chỉnh lại) VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.344.760.540	169.809.645.611
Doanh thu hoạt động tài chính	317.204.405.556	327.739.520.485
Thu nhập khác	204.316.043.505	191.030.253.276
Chi phí khác	398.728.243	149.127.079

(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND (đã điều chỉnh lại) VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 7/12/2016 VND (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận trước thuế	496.006.818.020	482.970.628.955
Lãi từ hoạt động đầu tư	(340.931.138.892)	(327.645.348.663)
Biến động các khoản phải thu	(18.014.657.634)	(18.264.258.798)



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Số liệu so sánh

Kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016 (giai đoạn thuộc Công ty TNHH Một thành viên) và các số liệu này có thể không so sánh được tương ứng hoàn toàn với số liệu của kỳ hiện hành là giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Hằng
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt



Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

